

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày: 17-7-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng xây
dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2011/TLST ngày 15 tháng 12 năm 2011 về tranh chấp Hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần C(tên cũ: Công ty cổ phần A);

Địa chỉ trụ sở chính: ấp A, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu công nghiệp C, ấp A, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần H;

Địa chỉ cuối cùng: số 29/1 đường T, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hoài G, sinh năm 1962, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Địa chỉ: số 54/2 đường Q, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Anh Trần Văn T trình bày:

Ngày 27 tháng 7 năm 2010 Công ty cổ phần A (nay là Công ty cổ phần Khu công nghiệp C) ký kết Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD với Công ty Cổ phần H thi công Gói thầu 1 Khu dân cư – tái định cư KCN Bourbon An Hòa, giá trị Hợp đồng là 17.850.000.000 đồng với các hạng mục thi công xây lắp công trình gồm: Hệ thống đường, hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước bẩn. Thực hiện hợp đồng ngày 12 tháng 8 năm 2010 Công ty cổ phần A phát lệnh khởi công. Ngày 10 tháng 9 năm 2010 Công ty cổ phần A thanh toán cho Công ty Cổ phần H 10% giá trị Hợp đồng như thỏa thuận thành tiền là 1.785.000.000 đồng. Đến ngày 13 tháng 10 năm 2010 Công ty cổ phần A phát hiện chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần H cung cấp là giả, Công ty cổ phần A đã nhiều lần gửi văn bản thông báo làm lại chứng thư bảo lãnh nhưng Công ty Cổ phần H vẫn tiếp tục vi phạm và cung cấp cho Công ty cổ phần A các chứng thư bảo lãnh không có giá trị pháp lý, vì vậy Công ty cổ phần A quyết định chấm dứt hợp đồng. Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 11 năm 2010 đại diện Công ty cổ phần A và đại diện của Công ty Cổ phần H xác nhận chấm dứt hợp đồng và tiến hành thanh lý hợp đồng, ngày 09 tháng 12 năm 2010 hai bên thống nhất thực hiện việc kiểm kê tài sản và xác định khối lượng vật liệu mà Công ty Cổ phần H vận chuyển đến công trình là 263.383.000 đồng, tuy

nhiên đến nay Công ty Cổ phần H chỉ mới ký tắc, không ký chính thức Biên bản thanh lý hợp đồng và không trả lại cho Công ty cổ phần A số tiền 1.521.617.000 đồng tạm ứng sau khi đã trừ đi tiền vật liệu xây dựng là 263.383.000 đồng như đã thỏa thuận.

Nay Công ty cổ phần Ckhởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD được ký kết giữa Công ty cổ phần A với Công ty Cổ phần H. Buộc Công ty Cổ phần H trả số tiền 1.521.617.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2012 (do Tòa án nhân dân quận Tân Bình thực hiện theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2012/QĐ-UTTA ngày 10 tháng 02 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng) ông Đinh Xuân Plà người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H được ủy quyền đến Tòa án nhân dân quận Tân Bình trình bày:

Thừa nhận Công ty Cổ phần H có ký kết Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD với Công ty cổ phần A, giá trị Hợp đồng là 17.785.000.000 đồng, tiến độ thi công là kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2010. Công ty cổ phần A đã ứng trước số tiền 1.785.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần H. Thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần H đã triển khai thực hiện các công việc như làm lán trại, làm đường tạm, làm hố ga, nhập vật tư...đều thể hiện trong nhật ký công trình. Do quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều lý do khách quan và chủ quan nên ngày 25 tháng 11 năm 2010 hai bên có buổi làm việc thống nhất chấm dứt và thanh lý hợp đồng, ngày 09 tháng 12 năm 2010 hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng trước thời hạn, biên bản thanh lý hợp đồng chỉ là bản dự thảo chưa có đóng dấu xác nhận của hai bên mà chỉ ký nháy vì do đang trong quá trình thương lượng khấu trừ số tiền đã thi công trước đó. Ngoài ra ông P không còn trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoài G là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt có

lý do, không gửi văn bản nêu ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của ông Giang.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần H trả số tiền 1.521.617.000 đồng cho Công ty cổ phần Khu công nghiệp C. Công ty cổ phần C không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết. Do đó Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng xây dựng giữa Công ty cổ phần C và Công ty Cổ phần H là có cơ sở.

Đối với Công ty Cổ phần H có địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139I đường Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Công ty Cổ phần H nhiều lần thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Công ty cổ phần A và Tòa án biết được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Qua xác minh và các tài liệu cung cấp của Công ty cổ phần A có cơ sở để xác định địa chỉ cuối cùng của Công ty Cổ phần H là số 29/1 đường T, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tiếp tục giải quyết vụ án.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD ngày 27/7/2010 giữa Công ty cổ phần A và Công ty Cổ phần H được ký kết đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo luật định nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần H đã vi phạm Điều 6 của Hợp đồng, cụ thể Công ty Cổ phần H đã cung cấp chứng thư bảo lãnh không có hiệu lực pháp luật cho Công ty cổ phần A dẫn đến việc hai bên chấm dứt hợp đồng được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 25 tháng 10 năm 2010. Các bên chưa hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng bàn giao lại công việc nhưng tại biên bản kiểm kê và bàn giao khối lượng công trình hai bên đã xác định giá trị nghiệm thu tại công trình là 263.383.000 đồng được ký tên xác nhận của đại diện hai bên, quá trình giải quyết vụ án đại diện của Công ty Cổ phần H không đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng để trình bày ý kiến nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2012 do Tòa án nhân dân quận Tân Bình thực hiện, đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H ông Đinh Xuân Pthừa nhận việc ký kết, thực hiện, nghiệm thu công trình và số tiền 1.785.000.000 đồng Công ty cổ phần A đã ứng trước như đại diện của nguyên đơn trình bày. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần hủy Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD ngày 27/7/2010 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Cổ phần H. Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty cổ phần C 1.521.617.000 (một tỷ năm trăm hai mươi một triệu sáu trăm mười bảy nghìn) đồng.

[4] Về tiền lãi: Công ty cổ phần C không yêu cầu nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Công ty Cổ phần H phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 280, 281, 290, 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 311, 314 Luật Thương mại năm 2005; Điều 107, 110 Luật xây dựng năm 2003 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Khu công nghiệp C. Hủy Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐXD ngày 27/7/2010 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty Cổ phần H. Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty cổ phần C 1.521.617.000 (một tỷ năm trăm hai mươi một triệu sáu trăm mười bảy nghìn) đồng. Ghi nhận Công ty cổ phần C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ Công ty cổ phần C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần H còn phải trả cho Công ty cổ phần C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty Cổ phần H phải chịu 57.648.510 (năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.824.000 (hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai số 0006873 ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Riêng

đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Đạt